

**Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Vân Hương;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Huyền Cường;

Ông Đặng Đình Lực.

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Ngô Ngọc Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: bà  
Lã Thị Tú Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 214/2019/TLPT-DS ngày 30 tháng 8 năm 2019, do có kháng cáo của nguyên đơn đối với bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DSST ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8509/2020/QĐ-PT ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Vụ án có các đương sự sau:

**\* Nguyên đơn:**

Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1958;

Bà Nguyễn Thị A1, sinh năm 1957;

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh H. Đều có mặt tại phiên tòa.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

- Các Luật sư Lưu Quang H, Hoàng Văn S, Công ty luật TNHH H, Đoàn luật sư thành phố H. Có mặt.

- Các Luật sư Phạm H, Nguyễn T, Văn phòng luật sư P và Cộng sự, thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Có mặt.

**\* Bị đơn:**

Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1957;

Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1958;

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh H. Điều vắng mặt tại phiên tòa.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Văn B2, sinh năm 1978 và anh Nguyễn Văn B3, sinh năm 1985 (các con ông B); cùng địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh H. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị A2, sinh năm 1987 và anh Nguyễn Văn A3, sinh năm 1990 (các con ông A); cùng địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh H. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị A4, sinh năm 1983 và chị Nguyễn Thị A5, sinh năm 1985 (các con ông A); cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Z, tỉnh H. Có mặt.

- Ủy ban nhân dân huyện Z, tỉnh H. Vắng mặt, có văn bản ngày 23/11/2020 đề nghị xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị A1 trình bày:*

Năm 1977, Hợp tác xã (sau đây viết tắt là HTX) thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh H cấp cho ông Nguyễn Văn S (bố đẻ ông A) 2 thửa đất, mỗi thửa 240m<sup>2</sup>. Một thửa có hình vuông có cạnh 15,5m, diện tích 240m<sup>2</sup>, thửa thứ hai có chiều dài 21m, chiều rộng 13,3m diện tích 279,3m<sup>2</sup>; nay là thửa đất số 604, tờ bản đồ 01 tọa lạc tại thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh H. Cùng thời điểm này HTX thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh H cấp phần đất liền kề cho ông Nguyễn Văn Đ (là anh trai ông B, bị đơn) theo tiêu chuẩn thương bình có diện tích 240m<sup>2</sup> nay là thửa đất số 603, tờ bản đồ 01 tọa lạc tại X, xã Y, huyện Z, tỉnh H.

Do thửa đất của gia đình nguyên đơn không có lối đi, phải bắc cầu qua ngòi nên năm 1978 bố vợ ông là ông Nguyễn Văn C, nguyên là Phó Chủ nhiệm HTX thôn X, xã Y và bố ông là ông Nguyễn Văn S đã thỏa thuận đổi đất với ông Nguyễn Văn Đ để gia đình có lối đi. Hai bên thống nhất gia đình ông bà lấy 02m chạy dài theo phía Nam thửa đất của hộ ông Đ và gia đình ông bà trả cho ông Đ 02m phần phía Đông thửa đất của gia đình ông bà giáp với phần đất của hộ ông Đ. Khi đổi đất không có giấy tờ gì nhưng có ông Nguyễn Trung Nguyên là Chủ nhiệm HTX thôn X, xã Y chứng kiến.

Sau khi đổi đất, ông Đ đã xây nhà trên phần đất đổi cho gia đình ông, bà, còn gia đình ông, bà đổ đất làm lối đi. Năm 1982, ông B đi bộ đội về và ông Đ đã cho ông B thửa đất trên.

Năm 1977, ông kết hôn với bà A1, năm 1978 ông đi bộ đội, năm 1982 ông đi bộ đội về, bố ông cho vợ chồng ông ra ở thửa đất trên từ năm 1982.

Năm 1982, ông Nguyễn Văn B đi bộ đội về, ông Đ đã cho ông B ra ở trên thửa đất trên.

Năm 2000, gia đình ông B xây nhà trần trên đất và xây tường rào cao 02m để ngăn cách đất. Sau khi gia đình ông B xây dựng nhà xong thì gia đình ông bà đổ bê tông ngõ đi. Hai gia đình sử dụng ổn định từ năm 1978 đến năm 2016 là gần 40 năm không có tranh chấp gì. Vợ chồng ông A, bà A1 đã đổ bê tông lối đi 3 lần: Năm 2000, 2012 và năm 2014. Năm 2016, gia đình ông B mở lối đi trên phần ngõ đi của gia đình ông A, bà A1 mà không được sự đồng ý của ông bà. Nay ông A, bà A1 xác định lối đi có diện tích 32,7m<sup>2</sup> là đất của gia đình ông bà và buộc gia đình ông B chấm dứt việc đi lại trên lối đi này.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị A1 bổ sung yêu cầu khởi kiện về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) đã cấp cho hộ gia đình ông A, bà A1 với lý do thừa đất của gia đình ông, bà đã được UBND huyện Z cấp GCNQSDĐ ngày 16/12/2003 với diện tích 338m<sup>2</sup>. Thời điểm cấp GCNQSDĐ ông không có nhà, ông đi làm xây dựng ở Hà Nội, ông không làm đơn xin cấp GCNQSDĐ, tự địa phương làm sổ đỏ và giao cho gia đình ông cũng từ năm 2003. Năm 2004, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H đã đo đạc bản đồ địa chính chính quy là thửa số 34, tờ bản đồ 22 diện tích 447m<sup>2</sup>; còn thửa đất của ông B được UBND huyện Z cấp GCNQSDĐ năm 2003 với diện tích 224m<sup>2</sup> nhưng hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H lập năm 2004 là thửa số 21, tờ bản đồ 22 diện tích 301m<sup>2</sup>.

Nay ông đề nghị Tòa án hủy GCNQSDĐ do UBND huyện Z cấp cho gia đình ông, bà ngày 16/12/2003 đối với thửa số 604, tờ bản đồ 01 diện tích 338m<sup>2</sup> tại thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh H.

*Phía bị đơn ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị B1 trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất gia đình ông B, bà B1 đang ở được HTX thôn X, xã Y cấp cho ông Nguyễn Văn Đ (đã chết năm 2000) là anh trai ông B từ năm 1975. Năm 1978, ông B kết hôn với bà B1 thì ông Đ cho vợ chồng ông bà ra ở trên thửa đất này.

Thửa đất của hộ ông A có nguồn gốc được HTX thôn X, xã Y cấp cho ông Nguyễn Văn Sự là bố đẻ ông A từ năm 1978 ở phía Tây thửa đất của gia đình ông bà. Năm 1982, ông A đi bộ đôi về thì ông Sự cho ông A ra ở trên thửa đất này. Vì thửa đất của vợ chồng ông bà phía Đông giáp ao, phía Bắc giáp nương tiêu, phía Tây giáp đất nhà ông Sự nên gia đình ông, bà đã bớt một phần đất có chiều rộng 2m, chiều dài 20m để làm lối đi. Lối đi này gia đình đã tân tạo từ năm 1978.

Năm 1982, vợ chồng ông A ra ở trên thửa đất của ông Sự thì đi chung lối đi của gia đình ông bà. Lối đi này chỉ có gia đình ông bà và gia đình ông A đi, ngoài ra không có ai đi khác. Lối đi cả hai gia đình cùng tân tạo, cùng đổ bê tông làm lối đi.

Năm 2003, địa phương lập nương để làm đường phía Bắc thì gia đình ông, bà đi cả trên hai lối đi.

Tháng 11/2015, gia đình ông A làm mái che công chiều dài 8m, chiều rộng 2m và xếp gạch sát chân tường nhà ông, bà. Trong quá trình sử dụng tân tạo lối đi gia đình ông bà có đóng góp cùng hộ ông A làm ngõ là 2 tạ xi măng và số tiền 2.000.000đ ông A vay của gia đình ông trừ khi làm ngõ.

Năm 2016, gia đình ông bà làm khu phòng trọ có trở lối đi ra ngõ thì phát sinh tranh chấp. Nay ông A, bà A1 cho rằng lối đi này của gia đình ông A, bà A1 là không đúng, ông bà xác định lối đi này là lối đi của tập thể.

Nay ông A, bà A1 yêu cầu Tòa án xác định lối đi có diện tích 32,7m<sup>2</sup> là đất của gia đình ông bà và buộc gia đình ông B, bà B1 chấm dứt việc đi lại trên lối đi này thì ông bà không đồng ý vì đây là lối đi của tập thể. Diện tích lối đi này không nằm trong GCNQSDĐ của gia đình ai cả.

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

UBND huyện Z trình bày: Về trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Văn A là đúng quy định của pháp luật nên ông A đề nghị hủy GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông A là không có cơ sở.

UBND xã Y trình bày: Phần đất lối đi theo Bản đồ năm 1987, năm 2004 thể hiện là tiểu ngõ lối đi chung do tập thể quản lý.

Anh Nguyễn Văn Tuyên, chị Nguyễn Thị Kiểm, chị Nguyễn Thị Kiêm, chị Nguyễn Thị Diên trình bày: Nguồn gốc thửa đất gia đình đang sử dụng là của ông nội, ông ngoại xin của HTX thôn X, xã Y diện tích bao nhiêu các anh, chị không biết. Khi các anh, chị sinh ra bố mẹ các anh, chị đã ở trên thửa đất này và đã có lối đi rồi. Trước đây, lối đi chỉ có một mình gia đình các anh, chị đi đến năm 2016 thì gia đình ông B đi trên lối đi của gia đình. Các anh, chị xác định các anh, chị không có công sức đóng góp, xây dựng, tân tạo gì đối với thửa đất này nên không có liên quan gì đến vụ kiện. Do đó, các anh, chị xin từ chối tham gia tố tụng và xin vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án.

Anh Nguyễn Văn Hải trình bày: Về nguồn gốc thửa đất anh không biết, khi anh sinh ra thì gia đình anh đã ở trên thửa đất này và đã có lối đi. Trước đây gia đình anh, gia đình ông Thế và gia đình ông A cùng đi. Đây là lối đi duy nhất vì trước mặt nhà anh là ao và một bên là ngòi. Khi anh còn nhỏ khoảng 12, 13 tuổi lối đi đó trùng phải xếp gạch để đi, anh, chị gái, mẹ anh là bà B1 và bà Lượng là chị gái bà B1 đã gánh đất, tân tạo lối đi.

Năm 2013, gia đình ông A đổ bê tông ngõ đi gia đình anh có đóng góp 2 tạ xi măng để làm lối đi. Năm 2016, anh làm phòng trọ đã mở cửa đi ra lối đi này thì ông A không đồng ý.

Anh Nguyễn Văn Huỳnh trình bày: Về nguồn gốc thửa đất anh không biết. Khi anh sinh ra thì gia đình anh đã ở trên thửa đất này và đi trên lối đi đang tranh chấp. Khi mở đường to thì gia đình đi ở đường to không đi lối đi này nữa. Anh xác định không có công sức đóng góp, tân tạo vào lối đi này. Anh xác định không liên quan gì nên xin từ chối tham gia tố tụng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DSST ngày 27/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

*Căn cứ khoản 9 Điều 26; 48; 158; 166; 198; 203; 204; 220; 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 254 Bộ luật dân sự 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm g khoản 1 Điều 143, 144 Luật tổ tụng hành chính và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về phí, lệ phí.*

*1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị A1 đối với ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị B1 về việc xác định diện tích 32,7m<sup>2</sup> ngõ đi là đất của gia đình và buộc gia đình ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị B1 chấm dứt việc đi lại trên lối đi này.*

*2. Đình chỉ đối với yêu cầu hủy GCNQSDĐ thửa số 604, tờ bản đồ số 1, diện tích 338m<sup>2</sup> tại thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh H do UBND huyện Z cấp cho hộ ông Nguyễn Văn A.*

*3. Về chi phí thẩm định, định giá: Ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị A1 phải chịu 10.900.000 đồng (xác nhận ông Nguyễn Văn A đã nộp đủ tiền).*

*4. Ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị A1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được trừ đi số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai số 0003555 ngày 28/9/2017 và số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai số 0003715 ngày 28/3/2018 đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Z.*

Ngày 27/6/2019, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị A1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án sơ thẩm xét xử thiếu khách quan chưa xem xét đầy đủ chứng cứ. Thực tế giữa hai gia đình đã có sự đổi đất cho nhau nên diện tích đất lối đi là thuộc quyền sử dụng riêng của gia đình. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc hộ gia đình ông B chấm dứt việc sử dụng lối đi này.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị A1 đều giữ nguyên nội dung kháng cáo. Nguyên đơn và các luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do có vi phạm thủ tục tố tụng (thiếu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND xã Y; không định giá tài sản ông A đã đầu tư và xây dựng trên đất. Hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho hộ ông A bị giả mạo nhưng bản án sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu hủy Giấy chứng nhận với lý do hết thời hiệu là không đúng. về nội dung giải quyết bác yêu cầu của nguyên đơn nhưng không xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ nguyên đơn xuất trình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết kháng cáo: Không có cơ sở xác định diện tích lối đi là thuộc quyền sử dụng riêng của hộ gia đình ông A. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng nên đề nghị Hội đồng xét

xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, sau khi tranh tụng trên cơ sở lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị A1, Hội đồng xét xử phúc thẩm có nhận định sau:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy GCNQSDĐ là đúng quy định tại Điều 26, Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn:

Lối đi có diện tích 32,7m<sup>2</sup> nguyên đơn ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị A1 xác định không thuộc diện tích đất thừa đất ông A đã được cấp GCNQSDĐ năm 2003. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án xác định diện tích đất lối đi là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình nguyên đơn có nguồn gốc từ việc đã đổi đất với gia đình bị đơn, đồng thời và yêu cầu hủy GCNQSDĐ đã cấp cho hộ gia đình do cấp thiếu diện tích đất lối đi và do hồ sơ đăng ký kê khai cấp GCN làm giả chữ ký của hộ gia đình. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn A không đưa ra được giấy tờ gì chứng minh về việc đổi đất giữa hai gia đình cũng như diện tích đất đổi là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông B.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B cho rằng không có việc đổi đất mà phần đất này được tôn tạo sử dụng làm lối đi chung từ năm 1982, là đất của tập thể, không phải lối đi riêng của gia đình ông A.

[2.1] Về nguồn gốc đất hợp pháp của hộ gia đình ông Nguyễn Văn A:

Ông A cho rằng gia đình được Hợp tác xã cấp 2 suất, mỗi suất 240m<sup>2</sup> vào năm 1977, 1978 nên tổng diện tích đất của hộ gia đình là 480m<sup>2</sup>. Các đương sự và UBND đều xác định không có giấy tờ lưu giữ về việc cấp đất này.

Ông Nguyễn Văn Cỏn nguyên Phó Chủ nhiệm Hợp tác xã, ông Nguyễn Văn Cự (nguyên Bí thư Chi bộ thôn) có lời khai cho rằng đất cấp cho gia đình ông A là 480m<sup>2</sup>. Ông Nguyễn Trung Nguyên (nguyên Chủ nhiệm Hợp tác xã năm 1974-1982) khai khác nhau, có lời khai cho rằng Hợp tác xã cấp cho gia đình ông A 480m<sup>2</sup>, tại lời khai ngày 22/3/2019 cho rằng việc đổi đất ông Nguyễn không biết đồng thời xác nhận năm 1984 ông có viết lại giấy xác nhận về đất cấp cho ông Sự và cung cấp cho Tòa án giấy này nhưng nội dung chỉ ghi gia đình ông Sự được cấp là 300,3m<sup>2</sup> (giấy có ghi theo tứ cận).

[2.2] Hồ sơ địa chính quản lý đất đai tại địa phương do UBND các cấp cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện: Bản đồ địa chính lập năm 1987, hộ ông B sử dụng thửa số 603, hộ ông A thửa số 604 diện tích 338m<sup>2</sup> và một phần của thửa số 638, ở giữa 3 thửa có lối chung đi kéo dài từ thửa 605 (đứng tên ông Thế) ra đường, vị trí hiện nay tranh chấp là đoạn cuối con đường chạy ra ngõ. Sau này đo đạc bản đồ hiện trạng sử dụng đất, đều thể hiện ngõ đi này không

thuộc thửa đất của riêng hộ gia đình nào. Về diện tích, các thửa đất được cấp GCNQSDĐ đều lớn hơn đo đạc bản đồ trước đây, một phần là do trước đây đo đạc thủ công nên không chính xác và quá trình sử dụng các hộ có lấn chiếm kênh mương.

Tại công văn số 130/CV - UBND ngày 18/12/2017 của Ủy ban nhân dân xã Y xác định: Việc đổi một phần đất của hai gia đình cho đến nay không có một văn bản giấy tờ nào chứng minh, không có một cơ quan chức năng chứng kiến. Hiện nay phần diện tích làm lối đi trên tờ bản đồ chính quy số 22 đất ngõ không nằm trong GCNQSDĐ của hộ nào. Do các hộ lấn ra kênh mương tiêu thoát nước của làng, khi đo đạc để cấp GCN do cán bộ thôn đi đo thủ công nên có sự chênh lệch số liệu.

Như vậy, việc cấp GCNQSDĐ cho các hộ dân trong xã vào năm 2003 là công khai, rộng rãi một đợt cho 424 hộ gia đình, trong đó có hộ ông A, hộ ông B. Bản đồ địa chính lập năm 2003 cùng thời điểm cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình ông A năm ngày 16/3/2003, thể hiện thửa đất thuộc quyền sử dụng của gia đình chỉ có diện tích 447m<sup>2</sup>, không bao gồm phần đất ông A cho rằng thuộc thửa đất của gia đình. Tại Bản đồ địa chính do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H lập năm 2004 khi đo đạc bản đồ địa chính chính quy, thửa đất của hộ ông A mang số thửa 34, tờ bản đồ 22 có diện tích 447m<sup>2</sup> (không bao gồm đất lối đi hiện nay tranh chấp) phù hợp kết quả đo đạc thực tế diện tích hiện nay gia đình ông A đang sử dụng. Còn thửa đất của hộ ông B có số thửa 21 diện tích 301m<sup>2</sup>, theo đo đạc thực tế hiện nay thửa đất có diện tích 315m<sup>2</sup>. Theo bản đồ này, diện tích đất đang tranh chấp giữa các hộ ông A và ông B thể hiện là lối đi chung, không thuộc thửa đất của hộ gia đình nào. Từ năm 2003, gia đình ông A đã nhận GCNQSD đất nhưng không có ý kiến thắc mắc gì về việc thiếu diện tích, khi tranh chấp phát sinh mới cho rằng gia đình không hề kê khai, cấp thiếu đất.

[2.3] Kết quả thẩm định tại chỗ ngày 07/9/2019 thể hiện thửa đất gia đình ông A đang sử dụng có diện tích 446,2m<sup>2</sup> phù hợp diện tích đã cấp GCNQSD đất và sơ đồ cấp thể hiện lối đi 32,7m<sup>2</sup> không nằm trong thửa đất của hộ ông A. Vị trí lối đi này thể hiện trong bản đồ địa chính lập năm 1987, năm 2003 không thuộc đất sử dụng riêng của hộ gia đình nào. Thực tế, lối đi này hai gia đình vẫn sử dụng chung, cổng của ông gia đình nguyên đơn là ông A cũng chỉ ở vị trí trong cùng ngõ đi; từ năm 2000 khi ông B xây tường xung quanh bao đất của gia đình ông thì không đi vào con đường này nữa, đến năm 2016 lại mở cổng đi ra ngõ đi thì ông A tranh chấp, không đồng ý cho sử dụng chung.

Do đó, nguyên đơn không có tài liệu gì chứng minh mà chỉ dựa vào lời khai của một số cán bộ thời kỳ trước đây nhưng những lời khai này không phù hợp với nguồn gốc của các thửa đất cũng như hồ sơ địa chính đo đạc qua các thời kỳ. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của ông A về việc xác định diện tích đất 32,7m<sup>2</sup> là lối đi riêng của gia đình là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp chứng cứ tài liệu gì chứng minh là lối đi thuộc quyền sử dụng riêng của hộ gia đình.

[3] Nguyên đơn và các luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Gia đình ông A tự nguyện tu sửa lối đi chung cũng để gia đình sử dụng từ trước đến nay, không có tranh chấp gì về chi phí nên không phải định giá; UBND huyện Z đã tham gia tố tụng, còn UBND xã Y đã có ý kiến trình bày và cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án để giải quyết vụ án nên không có cơ sở để hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[4] Không có căn cứ xác định đất lối đi thuộc đất hợp pháp của gia đình ông A nên cũng không có cơ sở để hủy GCNQSD đất đã cấp năm 2003 cho gia đình ông A; lẽ ra cần bác yêu cầu hủy GCNQSDĐ của nguyên đơn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, là không phù hợp. Do đó, hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của nguyên đơn, sửa phần bản án sơ thẩm phần về quyết định hành chính cá biệt.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 282, Điều 293, khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**1.** Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị A1, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 27/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh H:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị A1 đối với ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị B1 về việc xác định diện tích 32,7m<sup>2</sup> ngõ đi là đất của gia đình và buộc gia đình ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị B1 chấm dứt việc đi lại trên lối đi này.

- Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hủy GCNQSDĐ do UBND huyện Z cấp ngày 16/12/2003 cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn A thửa đất số 604, tờ bản đồ số 1, diện tích 338m<sup>2</sup> tại thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh H.

- Về chi phí thẩm định, định giá: Ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị A1 phải chịu 10.900.000 đồng (xác nhận ông Nguyễn Văn A đã nộp đủ tiền).

- Ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị A1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được trừ đi số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai số 0003555 ngày 28/9/2017 và số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai số 0003715 ngày 28/3/2018 đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Z.

**2.** Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị A1 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

AA/2017/0004504 ngày 28/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh H.

**3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh H;
- TAND tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Phan Thị Vân Hương**